

Số: /KH-UBND

Bắc Ninh, ngày tháng 02 năm 2026

KẾ HOẠCH
Truyền thông Dân số giai đoạn 2026 - 2030
trên địa bàn tỉnh Bắc Ninh

Căn cứ Quyết định số 537/QĐ-TTg ngày 17 tháng 4 năm 2020 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chương trình Truyền thông Dân số đến năm 2030, UBND tỉnh Bắc Ninh xây dựng Kế hoạch Truyền thông Dân số giai đoạn 2026 - 2030 trên địa bàn tỉnh Bắc Ninh như sau:

I. CƠ SỞ PHÁP LÝ

- Nghị quyết số 137/NQ-CP ngày 31/12/2017 của Chính phủ về việc ban hành Chương trình hành động của Chính phủ thực hiện Nghị quyết số 21-NQ/TW;

- Quyết định số 537/QĐ-TTg ngày 17/4/2020 của Thủ tướng Chính phủ về phê duyệt Chương trình Truyền thông Dân số đến năm 2030;

- Quyết định số 2235/QĐ-BYT ngày 29/5/2020 của Bộ Y tế ban hành Kế hoạch hành động thực hiện Chương trình Truyền thông Dân số đến năm 2030;

- Kế hoạch số 24-KH/TU ngày 12/9/2025 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy và Kế hoạch số 117/KH-UBND ngày 12/9/2025 của UBND tỉnh Bắc Ninh thực hiện Kế hoạch số 24-KH/TU ngày 12/9/2025 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy về việc thực hiện Kết luận số 149-KL/TW ngày 10/4/2025 của Bộ Chính trị về đẩy mạnh thực hiện Nghị quyết số 21-NQ/TW của Hội nghị lần thứ sáu Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XII về công tác dân số trong tình hình mới;

- Kế hoạch số 154/KH-UBND ngày 05/12/2025 của UBND tỉnh ban hành Kế hoạch hành động giai đoạn 2026 - 2030 tỉnh Bắc Ninh Thực hiện Chiến lược Dân số Việt Nam đến năm 2030.

II. MỤC TIÊU

1. Mục tiêu chung

- Tiếp tục quán triệt và triển khai có hiệu quả Nghị quyết số 21-NQ/TW của Ban Chấp hành Trung ương và Kết luận số 149-KL/TW của Bộ Chính trị và Chiến lược Dân số Việt Nam đến năm 2030. Đổi mới toàn diện về nội dung, phương pháp và hình thức truyền thông, nâng cao chất lượng công tác tuyên truyền, vận động, giáo dục về dân số và phát triển đến các cấp ủy Đảng, chính quyền, các Sở, ban, ngành, đoàn thể và toàn thể Nhân dân.

- Đẩy mạnh truyền thông vận động chuyển đổi hành vi, thực hiện chuyển trọng tâm chính sách dân số từ Kế hoạch hóa gia đình sang Dân số và Phát triển để giải quyết toàn diện các vấn đề dân số.

- Phấn đấu đến năm 2030 đạt và duy trì mức sinh thay thế; từng bước đưa tỷ số giới tính khi sinh về mức cân bằng tự nhiên; nâng cao chất lượng dân số về thể chất, trí tuệ, tinh thần và chất lượng giống nòi; tận dụng hiệu quả cơ cấu dân số vàng, thích ứng chủ động với già hóa dân số và phân bố dân cư hợp lý, góp phần phát triển kinh tế - xã hội bền vững của tỉnh.

2. Mục tiêu cụ thể đến năm 2030

Mục tiêu 1. Nâng cao nhận thức của lãnh đạo các cấp ủy Đảng, chính quyền về công tác dân số và phát triển

Tiếp tục đẩy mạnh công tác cung cấp thông tin thường xuyên và cập nhật về Chương trình Dân số và Phát triển (DS&PT) cho toàn bộ hệ thống chính trị. Duy trì hàng năm 100% tổ chức Đảng, chính quyền, cơ quan, ban ngành, đoàn thể các cấp được phổ biến, cập nhật thông tin về chương trình. Hoạt động này nhằm huy động sự tham gia và cam kết của cấp ủy Đảng, chính quyền các cấp thông qua việc chỉ đạo, đầu tư nguồn lực, và lồng ghép hiệu quả các vấn đề dân số vào các chính sách, kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội của địa phương.

Mục tiêu 2. Truyền thông vận động duy trì mức sinh thay thế và kế hoạch hóa gia đình

Tập trung truyền thông, vận động thực hiện hiệu quả cuộc vận động "Mỗi cặp vợ chồng nên sinh đủ hai con" nhằm đạt và duy trì mức sinh thay thế bền vững trên toàn tỉnh. Phấn đấu đến năm 2030, các cặp vợ chồng, nam, nữ trong độ tuổi sinh đẻ được cung cấp thông tin về cuộc vận động, về quyền và trách nhiệm trong việc sinh con, nuôi dạy con tốt, cũng như lợi ích của việc thực hiện các biện pháp tránh thai hiện đại đạt 95%.

Mục tiêu 3. Truyền thông kiểm soát mất cân bằng giới tính khi sinh

- Tăng cường truyền thông nâng cao nhận thức về thực trạng, nguyên nhân, hậu quả của mất cân bằng giới tính khi sinh, đồng thời phổ biến các quy định pháp luật liên quan và thúc đẩy bình đẳng giới. Phấn đấu đến năm 2030, các cặp vợ chồng, nam, nữ trong độ tuổi sinh đẻ, ông bà, cha mẹ được cung cấp thông tin về hậu quả của mất cân bằng giới tính khi sinh, vị thành niên, thanh niên, nam, nữ sắp kết hôn được cung cấp kiến thức về các hành vi vi phạm pháp luật về lựa chọn giới tính thai nhi đạt 95%.

- Các cơ quan truyền thông đại chúng trên địa bàn thường xuyên tuyên truyền về giá trị của trẻ em gái, vị thế của phụ nữ và bình đẳng giới đạt 100% vào năm 2030.

Mục tiêu 4. Truyền thông nâng cao chất lượng dân số

Tập trung truyền thông về lợi ích của việc tư vấn và khám sức khỏe trước khi kết hôn, cũng như lợi ích của việc tầm soát, chẩn đoán, điều trị sớm bệnh tật

trước sinh và sơ sinh. Phân đầu đến năm 2030, nam, nữ thanh niên, phụ nữ trong độ tuổi sinh đẻ được cung cấp thông tin về các nội dung này đạt 95%. Hoạt động truyền thông này nhằm góp phần thực hiện các mục tiêu chuyên môn, phân đầu đến năm 2030 đạt 70% cặp nam, nữ thanh niên được tư vấn, khám sức khỏe trước khi kết hôn; 70% phụ nữ mang thai và 80% trẻ sơ sinh được tầm soát các bệnh bẩm sinh phổ biến.

Mục tiêu 5. Truyền thông về sức khỏe sinh sản vị thành niên và thanh niên (SKSS VTN/TN)

- Phân đầu các cơ sở giáo dục trong hệ thống giáo dục tiếp tục đẩy mạnh việc lồng ghép các nội dung tuyên truyền về dân số, SKSS/KHHGD vào các môn học chính khóa và hoạt động ngoài giờ lên lớp đạt 100% vào năm 2030.

- Đảm bảo 95% vị thành niên, thanh niên được cung cấp, cập nhật kiến thức đầy đủ về dân số, SKSS/KHHGD, bao gồm các biện pháp tránh thai, tác hại của phá thai và hậu quả của mang thai ngoài ý muốn.

Mục tiêu 6. Truyền thông thích ứng với già hóa dân số và chăm sóc sức khỏe người cao tuổi (NCT)

Đẩy mạnh truyền thông, cung cấp kiến thức về các biện pháp chăm sóc sức khỏe phù hợp, chế độ dinh dưỡng, luyện tập khoa học, và lợi ích của việc khám sức khỏe định kỳ cho NCT và người thân trực tiếp chăm sóc NCT. Phân đầu đến năm 2030, NCT hoặc người thân trực tiếp chăm sóc được cung cấp các kiến thức đạt 85%. Hoạt động truyền thông nhằm phát huy vai trò của phong trào hỗ trợ, chăm sóc sức khỏe NCT và góp phần đạt mục tiêu 100% NCT được khám sức khỏe định kỳ ít nhất 1 lần/năm vào năm 2030.

III. NHIỆM VỤ VÀ GIẢI PHÁP

1. Tăng cường phổ biến thông tin về dân số và phát triển (DS&PT) đến cấp ủy, chính quyền, ban, ngành, đoàn thể các cấp

- Đảm bảo việc phổ biến thông tin thường xuyên, định kỳ cho cấp ủy Đảng, chính quyền các cấp, các ban, ngành, đoàn thể về tình hình triển khai chính sách, pháp luật, chiến lược, và các chương trình, kế hoạch về DS&PT, cập nhật đầy đủ về những thành tựu đạt được, các thách thức đang nổi lên và các vấn đề dân số mới phát sinh để phục vụ công tác lãnh đạo, chỉ đạo. Chủ động triển khai các hội nghị cung cấp thông tin, báo cáo chuyên đề, phân tích sâu các vấn đề và tăng cường sự trao đổi, cam kết của các bên liên quan.

- Tích cực nghiên cứu, đề xuất và liên kết chặt chẽ với Trường Chính trị Nguyễn Văn Cừ để xây dựng chuyên đề, lồng ghép nội dung DS&PT vào chương trình đào tạo, bồi dưỡng chính thức, nhằm nâng cao nhận thức và trách nhiệm cho đội ngũ cán bộ lãnh đạo, quản lý các cấp.

- Xây dựng, biên soạn và cung cấp các tài liệu, sách mỏng, bản tin chuyên đề, báo cáo tóm tắt... đảm bảo thông tin đầy đủ, ngắn gọn, trọng tâm, chính xác và kịp thời.

2. Vận động các Sở, ban, ngành, đoàn thể, tổ chức chính trị - xã hội tham gia truyền thông về DS&PT; tiếp tục xây dựng, triển khai các chương trình phối hợp, mô hình truyền thông toàn diện

- Các ban, ngành, đoàn thể cần chủ động xây dựng kế hoạch và triển khai các biện pháp khuyến khích thành viên, hội viên thực thi hiệu quả chính sách dân số; tích cực lồng ghép các nội dung DS&PT vào hoạt động chuyên môn và các hoạt động thường xuyên của đơn vị mình.

- Hàng năm, tăng cường liên kết với các Sở, ban, ngành, đoàn thể, tổ chức chính trị - xã hội để triển khai nhân rộng các mô hình truyền thông phù hợp với từng nhóm đối tượng tại cộng đồng. Đa dạng hóa các hình thức tổ chức như hội nghị, hội thảo, tập huấn, giao lưu, tọa đàm, nói chuyện chuyên đề, các cuộc thi tìm hiểu, hoạt động văn nghệ, thể thao.

- Tích cực phổ biến thông tin DS&PT cho các tổ chức xã hội, các đơn vị, doanh nghiệp trên địa bàn nhằm huy động tối đa nguồn lực, kỹ thuật và sự tham gia của các lực lượng xã hội trong cả hoạt động truyền thông và công tác cung cấp dịch vụ DS&PT.

- Vận động, huy động các chức sắc tôn giáo, người có uy tín trong cộng đồng tham gia tuyên truyền, tạo sự ủng hộ đối với các hành vi có lợi về DS&PT. Đặc biệt chú trọng việc lồng ghép nội dung truyền thông vào các sinh hoạt cộng đồng, sinh hoạt văn hóa dân gian; đưa tiêu chí DS&PT vào hương ước, quy ước của cộng đồng và tiêu chuẩn thôn/bản/tổ dân phố văn hóa.

- Triển khai các sự kiện, chiến dịch truyền thông quy mô nhằm thu hút đông đảo lực lượng tham gia, tạo dư luận xã hội đồng thuận, ủng hộ việc thực hiện các hành vi có lợi và phê phán các hành vi vi phạm về DS&PT. Hàng năm, tập trung tổ chức các sự kiện nhân các ngày kỷ niệm lớn như Ngày Dân số Thế giới (11/7), Ngày Thalassemia Thế giới (8/5), Ngày Tránh thai thế giới (26/9), Ngày Quốc tế Người cao tuổi (1/10), Ngày Quốc tế trẻ em gái (11/10), Tháng Hành động Quốc gia về Dân số (Tháng 12) và Ngày Dân số Việt Nam (26/12).

3. Đa dạng hóa các loại hình và sản phẩm truyền thông về DS&PT; đảm bảo chất lượng, đổi mới hình thức và nội dung

- Định kỳ hàng năm, căn cứ theo hướng dẫn của Trung ương và nhu cầu thực tế, tiến hành sản xuất hoặc nhân bản đủ số lượng, đảm bảo chất lượng các tài liệu và sản phẩm truyền thông (như Pa nô, áp phích, tờ rơi, sách mỏng, tranh lật, phóng sự, bản tin, thông điệp truyền hình, phát thanh...) về nội dung DS&PT.

- Chủ động khuyến khích, vận động và tham gia các cuộc thi sáng tác (tranh, kịch bản, ca khúc, thơ ca, triển lãm ảnh) liên quan đến các nội dung mới của công tác dân số do Trung ương phát động, nhằm làm phong phú thêm kho tài liệu và hình thức tuyên truyền.

- Đảm bảo cập nhật và tuyên truyền liên tục các thông tin DS&PT trên các kênh truyền thông đại chúng, thông tin chính thống của tỉnh.

4. Tăng cường truyền thông thay đổi hành vi về DS&PT trên các phương tiện thông tin đại chúng

- Phối hợp thường xuyên với Báo và Phát thanh, Truyền hình tỉnh để tăng cường thời lượng phát sóng, tần suất đăng tải các chuyên mục, phóng sự, chuyên trang, tin, bài, sách, ảnh... về các nội dung và chuyên đề DS&PT.

- Chủ động cung cấp thông tin, tài liệu cho đội ngũ phóng viên, biên tập viên của các cơ quan truyền thông. Tăng cường hỗ trợ kỹ thuật, nghiệp vụ và nội dung tuyên truyền trên hệ thống truyền thanh cấp xã, đặc biệt ưu tiên các xã vùng sâu, vùng xa, vùng đặc biệt khó khăn.

- Đẩy mạnh việc mở rộng các phương thức truyền thông mới để cung cấp thông tin, tư vấn về DS&PT qua Internet, các trang Website, trang tin điện tử, và các nền tảng mạng xã hội. Đặc biệt chú trọng các kênh thông tin có lưu lượng truy cập cao, được nhóm đối tượng vị thành niên/thanh niên, nam giới và phụ nữ trong độ tuổi sinh đẻ quan tâm, ưa thích.

- Triển khai các buổi giao lưu, tọa đàm, đối thoại trực tuyến trên sóng phát thanh, truyền hình và các nền tảng số; tích cực tham gia các cuộc thi trực tuyến về DS&PT do trung ương phát động để tăng cường tương tác với công chúng.

5. Tổ chức thực hiện hiệu quả các hoạt động truyền thông trực tiếp của hệ thống dân số các cấp

- Tổ chức các cuộc mít tinh, diễu hành, cô đọng, truyền thông lưu động... nhân các ngày lễ lớn và các sự kiện kỷ niệm của ngành dân số tại các cấp, nhằm tạo không khí sôi nổi và thu hút sự chú ý của cộng đồng.

- Tập trung nguồn lực thực hiện các đợt Chiến dịch truyền thông cao điểm lồng ghép với cung cấp dịch vụ sức khỏe sinh sản/kế hoạch hóa gia đình. Đặc biệt ưu tiên các địa bàn trọng điểm (có tỷ số giới tính khi sinh cao và các vùng khó khăn, vùng đồng bào dân tộc thiểu số).

- Tích cực hỗ trợ các khu dân cư lồng ghép nội dung truyền thông DS&PT vào các buổi họp dân, sinh hoạt văn nghệ, thể thao. Đặc biệt là hỗ trợ, tư vấn việc đưa chính sách dân số vào hương ước, quy ước của cộng đồng một cách phù hợp.

- Tiếp tục duy trì và tăng cường hoạt động truyền thông, tư vấn trực tiếp "đi từng ngõ, gõ từng nhà" của đội ngũ cộng tác viên, nhân viên y tế - dân số. Định kỳ tổ chức bồi dưỡng kiến thức chuyên môn, cập nhật thông tin và kỹ năng truyền thông cho đội ngũ này qua các buổi tập huấn, họp giao ban.

- Vận động, tạo phong trào sâu rộng trong nhân dân để mọi người thường xuyên luyện tập thể dục thể thao, duy trì lối sống lành mạnh, chế độ dinh dưỡng hợp lý nhằm nâng cao sức khỏe và chất lượng cuộc sống.

6. Mở rộng các hình thức truyền thông, giáo dục thân thiện, phù hợp với vị thành niên, thanh niên (VTN/TN)

- Tăng cường truyền thông, nhấn mạnh vai trò và trách nhiệm của gia đình, nhà trường và cộng đồng trong việc trang bị kiến thức, kỹ năng sống cho

VTN/TN, đặc biệt là các nội dung về chăm sóc sức khỏe sinh sản, sức khỏe tình dục, hôn nhân, gia đình, bình đẳng giới, và hậu quả của việc kết hôn sớm.

- Tăng cường liên kết với ngành Giáo dục và Đào tạo, Đoàn Thanh niên, Hội Liên hiệp Phụ nữ, Liên đoàn Lao động và cộng đồng để xây dựng, triển khai và mở rộng các mô hình giáo dục, truyền thông hiệu quả, chuyên biệt cho VTN/TN. Duy trì và phát triển các mô hình thân thiện như giáo dục đồng đẳng, câu lạc bộ, góc kiến thức, hoạt động ngoài giờ, các cuộc thi tìm hiểu... tại trường học, khu dân cư, khu công nghiệp và tại các cơ sở cung cấp dịch vụ CSSKSS/KHHGD.

- Tổ chức tập huấn, bồi dưỡng kiến thức, kỹ năng truyền thông, tư vấn cho người cung cấp dịch vụ dân số, SKSS, KHHGD, nhằm đảm bảo việc cung cấp các dịch vụ mang tính thân thiện, bình đẳng, bảo mật, riêng tư và phù hợp với tâm lý lứa tuổi VTN/TN.

- Biên soạn, nhân bản các sản phẩm truyền thông (tờ rơi, cẩm nang, video clip...) và tổ chức các hoạt động văn hóa, thể thao, giải trí có nội dung DS&PT được thiết kế phù hợp với sở thích, xu hướng và tâm lý của nhóm đối tượng VTN/TN.

7. Đẩy mạnh xã hội hóa công tác truyền thông; huy động sự tham gia, đóng góp nguồn lực cho công tác DS&PT

- Triển khai các hội nghị, hội thảo; sản xuất các sản phẩm truyền thông vận động (tờ tin, thông điệp...) nhằm vận động cấp ủy, chính quyền, đoàn thể ban hành các Nghị quyết, chính sách, quy định ủng hộ, tạo môi trường pháp lý thuận lợi cho việc xã hội hóa công tác truyền thông, thu hút các nguồn lực hợp pháp từ xã hội.

- Tổ chức các buổi tập huấn, nói chuyện chuyên đề, truyền thông trực tiếp và gián tiếp... nhằm cung cấp kiến thức, cập nhật thông tin và huy động sự ủng hộ, cam kết của cán bộ chính quyền, đoàn thể các cấp đối với các hoạt động xã hội hóa công tác truyền thông DS&PT.

- Thực hiện các chiến dịch, sự kiện truyền thông về DS&PT nhân các ngày lễ, kỷ niệm có sự tham gia, đóng góp và tài trợ nguồn lực từ các tổ chức, doanh nghiệp, tập thể, cá nhân.

- Thường xuyên tuyên truyền trên các phương tiện thông tin về lợi ích của việc đầu tư cho công tác DS&PT, nhằm tạo sự đồng thuận, sự ủng hộ của lãnh đạo các cấp trong việc phân bổ nguồn lực và định hướng dư luận tích cực trong Nhân dân.

8. Đào tạo, bồi dưỡng nâng cao năng lực, kiến thức, kỹ năng cho đội ngũ cán bộ truyền thông

- Cung cấp thông tin cập nhật về DS&PT, các chính sách, pháp luật mới; hướng dẫn các nội dung truyền thông ưu tiên, thông điệp chuẩn cho đội ngũ phóng viên, biên tập viên, cán bộ truyền thông của các cơ quan thông tin đại chúng và các điểm tư vấn.

- Triển khai các hội nghị tập huấn, bồi dưỡng kiến thức chuyên môn và kỹ năng nghiệp vụ cho cán bộ truyền thông trong hệ thống dân số từ tỉnh đến cơ sở. Đặc biệt chú trọng cập nhật kiến thức, kỹ năng sử dụng các phương tiện truyền thông hiện đại (trang tin điện tử, mạng xã hội, Internet...).

- Triển khai bồi dưỡng kiến thức, kỹ năng truyền thông về DS&PT cho đội ngũ báo cáo viên các cấp và cán bộ truyền thông của các ngành có hoạt động phối hợp, nhằm đảm bảo tính thống nhất và hiệu quả trong tuyên truyền.

9. Công tác giám sát, đánh giá

- Tăng cường tổ chức các hoạt động kiểm tra, giám sát, hỗ trợ về công tác truyền thông tại cơ sở một cách thường xuyên hoặc đột xuất. Qua đó kịp thời phát hiện vướng mắc và đề xuất giải pháp tháo gỡ khó khăn trong quá trình thực hiện.

- Tiến hành đánh giá kết quả thực hiện Kế hoạch hàng năm một cách nghiêm túc. Tổ chức tổng kết, đánh giá toàn diện Kế hoạch vào năm 2030.

IV. KINH PHÍ

1. Kinh phí thực hiện Kế hoạch này được bố trí từ ngân sách nhà nước và các nguồn kinh phí hợp pháp khác theo quy định của pháp luật.

2. Các cơ quan được phân công chủ trì thực hiện các nhiệm vụ theo Kế hoạch này có trách nhiệm lập dự toán, quyết toán, quản lý sử dụng và báo cáo cấp có thẩm quyền phê duyệt theo quy định của Luật Ngân sách nhà nước và pháp luật liên quan.

3. Kinh phí từ nguồn huy động xã hội hóa từ các tổ chức, cá nhân và nguồn kinh phí hợp pháp khác.

V. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Thời gian thực hiện: Từ 2026 đến 2030.

2. Nhiệm vụ của các Sở, ngành và địa phương

2.1. Sở Y tế:

- Là cơ quan thường trực, chịu trách nhiệm chủ trì, hướng dẫn, đôn đốc, kiểm tra và tổng hợp việc thực hiện Kế hoạch trên phạm vi toàn tỉnh.

- Tham mưu UBND tỉnh ban hành các văn bản chỉ đạo, điều hành triển khai Chiến lược Dân số Việt Nam đến năm 2030.

- Chủ trì xây dựng và tổ chức thực hiện các chương trình, đề án chuyên ngành về dân số, kế hoạch hóa gia đình, sàng lọc trước sinh và sơ sinh, tư vấn tiền hôn nhân, chăm sóc sức khỏe người cao tuổi theo hướng dẫn của trung ương.

- Chủ trì, phối hợp với các Sở, ban, ngành, đoàn thể tỉnh; UBND các xã, phường tổ chức thực hiện tốt các mục tiêu của Kế hoạch đảm bảo phù hợp với kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh, định kỳ báo cáo kết quả thực hiện về UBND tỉnh và Bộ Y tế theo quy định; quản lý, cập nhật dữ liệu dân cư và thống kê dân số toàn tỉnh.

- Hằng năm, tổ chức giao ban, kiểm tra, đánh giá tiến độ, hiệu quả thực hiện các chỉ tiêu dân số; đề xuất khen thưởng, xử lý tập thể, cá nhân không hoàn thành nhiệm vụ.

- Phối hợp với các sở, ngành, UBND cấp xã lồng ghép các mục tiêu dân số vào kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội.

- Chủ trì, phối hợp với các ban, ngành, đơn vị liên quan, các địa phương tiếp tục kiện toàn hệ thống tổ chức, bộ máy làm công tác dân số; nâng cao năng lực đội ngũ cán bộ dân số, đảm bảo nguồn lực cho công tác dân số. Chỉ đạo các đơn vị y tế triển khai đồng bộ các dịch vụ dân số và phát triển;

- Chủ trì triển khai các chính sách thích ứng với già hóa dân số; hướng dẫn phát triển các mô hình chăm sóc người cao tuổi dựa vào cộng đồng, nhân rộng Câu lạc bộ “Liên thế hệ tự giúp nhau”.

- Lồng ghép mục tiêu dân số, chăm sóc người cao tuổi, bình đẳng giới vào các chương trình giảm nghèo, an sinh xã hội của tỉnh.

- Chủ trì lựa chọn, thẩm định các tập thể, cá nhân có thành tích trong thực hiện Kế hoạch, trình Chủ tịch UBND tỉnh (qua Sở Nội vụ đề xuất) khen thưởng.

2.2. Sở Tài chính

- Chủ trì phối hợp với các Sở, ban, ngành, địa phương bảo đảm nguồn kinh phí thực hiện hằng năm để thực hiện Kế hoạch; lồng ghép các chỉ tiêu, mục tiêu dân số vào kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội hàng năm và 5 năm của tỉnh.

- Thẩm định, trình cấp có thẩm quyền phê duyệt và lồng ghép các nội dung dân số trong các dự án đầu tư công, dự án phát triển đô thị, khu công nghiệp.

- Hướng dẫn, thanh tra, kiểm tra việc quản lý, sử dụng kinh phí thực hiện Kế hoạch; đề xuất cơ chế tài chính, định mức chi cho hoạt động dân số phù hợp tình hình mới.

2.3. Sở Nội vụ

- Chủ trì, phối hợp với Sở Y tế, UBND các xã, phường củng cố, kiện toàn tổ chức bộ máy cán bộ làm công tác dân số từ tỉnh đến cơ sở.

- Triển khai các giải pháp phát huy lợi thế cơ cấu dân số vàng, gắn với đào tạo nghề, tạo việc làm, nâng cao thu nhập cho người lao động.

- Phối hợp với Sở Y tế, các cơ quan, đơn vị liên quan thẩm định hồ sơ, đề xuất trình Chủ tịch UBND tỉnh tặng Bằng khen đối với các tập thể, cá nhân có thành tích trong thực hiện Kế hoạch (vào năm 2030 khi tổng kết giai đoạn của Kế hoạch).

2.4. Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch

- Chỉ đạo các cơ quan báo chí, phát thanh, truyền hình của tỉnh tăng thời lượng, chất lượng tin, bài, chuyên mục về dân số và phát triển. Phối hợp tuyên truyền phổ biến những chủ trương chính sách về dân số và phát triển.

- Hướng dẫn xây dựng hương ước, quy ước về chính sách dân số và phát triển. Đưa nội dung chính sách dân số và phát triển là một tiêu chí đánh giá khu dân cư, đơn vị và gia đình văn hoá. Tổ chức triển khai thực hiện có hiệu quả các chính sách, pháp luật về gia đình, phát triển gia đình Việt Nam.

- Tổ chức các hoạt động thể thao, văn hóa cộng đồng gắn với tuyên truyền dân số và chăm sóc sức khỏe người cao tuổi.

- Tăng cường quản lý hoạt động quảng cáo, cung cấp văn hoá phẩm về lựa chọn giới tính thai nhi bảo đảm theo đúng quy định của pháp luật.

2.5. Sở Giáo dục và Đào tạo

Chủ trì và phối hợp với các Sở, ngành liên quan thực hiện lồng ghép, tuyên truyền các nội dung giáo dục về dân số, giới, giới tính, bình đẳng giới trong các chương trình chính khóa và các hoạt động ngoại khóa, tổ chức diễn đàn; xây dựng mạng lưới truyền thông giáo dục, dịch vụ tư vấn và CSSKSS cho học sinh, sinh viên trong các cơ sở giáo dục đảm bảo phù hợp với từng cấp học. Tập huấn nâng cao kiến thức, kỹ năng cho cán bộ quản lý, giáo viên, giảng viên trong các cơ sở giáo dục về giới, giới tính, dân số, SKSS/KHHGD, bình đẳng giới.

2.6. Sở Tư pháp

- Tăng cường quản lý, kiểm tra công tác đăng ký hộ tịch, khai sinh, khai tử; thường xuyên rà soát, đối chiếu, cập nhật đồng bộ giữa cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư với cơ sở dữ liệu hộ tịch điện tử đảm bảo mục tiêu “đúng, đủ, sạch, sống, thống nhất, dùng chung”.

- Tăng cường tuyên truyền, phổ biến, giáo dục pháp luật về dân số, hôn nhân và gia đình, quyền trẻ em, bình đẳng giới; lồng ghép nội dung này trong các chương trình phổ biến pháp luật của tỉnh.

- Thẩm định, rà soát văn bản quy phạm pháp luật liên quan đến lĩnh vực dân số, kịp thời đề xuất sửa đổi, bổ sung phù hợp thực tế.

2.7. Công an tỉnh

- Tiếp tục hoàn thiện, vận hành và cập nhật cơ sở dữ liệu dân cư, đảm bảo thống nhất, bảo mật và chia sẻ dữ liệu phục vụ quản lý dân số, an sinh xã hội.

- Phối hợp với Sở Y tế và các ngành liên quan trong việc cung cấp, xác thực dữ liệu dân số, dân cư; hỗ trợ công tác dự báo, thống kê, nghiên cứu dân số của tỉnh.

- Tăng cường quản lý nhân khẩu, hộ khẩu, kiểm soát di cư tự do, người lao động ngoại tỉnh; đảm bảo ổn định an ninh trật tự, góp phần phân bố dân cư hợp lý.

2.8. Sở Khoa học và Công nghệ

- Chủ trì, phối hợp với Sở Y tế nghiên cứu, ứng dụng các tiến bộ khoa học, công nghệ trong lĩnh vực dân số, sức khỏe sinh sản, chăm sóc người cao tuổi.

- Đề xuất nhiệm vụ khoa học công nghệ cấp tỉnh về dự báo biến động dân số, tác động của già hóa và chuyển đổi cơ cấu dân số.

2.9. Sở Nông nghiệp và Môi trường

- Lòng ghép mục tiêu dân số vào các chương trình khuyến nông, khuyến lâm, xây dựng nông thôn mới.

- Tổ chức tuyên truyền, vận động người dân thực hiện chính sách dân số tại vùng nông thôn, miền núi, khu vực chuyển đổi đất nông nghiệp sang công nghiệp.

- Tham mưu chính sách sắp xếp, ổn định dân cư hợp lý, gắn phát triển nông nghiệp với phát triển xã hội và bảo vệ môi trường.

2.10. Sở Dân tộc và Tôn giáo

- Triển khai các chương trình truyền thông, giáo dục chính sách dân số, sức khỏe sinh sản phù hợp đặc thù đồng bào dân tộc thiểu số.

- Lòng ghép nội dung dân số vào các chương trình phát triển kinh tế - xã hội vùng dân tộc thiểu số, miền núi.

2.11. Thanh tra tỉnh

- Chủ trì tổ chức thanh tra, kiểm tra các cơ sở xuất bản và phát hành sách, ấn phẩm tài liệu nhằm ngăn chặn việc tuyên truyền, phổ biến phương pháp lựa chọn giới tính thai nhi, trang thông tin điện tử có hành vi vi phạm các nội dung tuyên truyền, hướng dẫn lựa chọn giới tính thai nhi.

- Chủ trì tổ chức thanh tra, kiểm tra các cơ sở y tế trong việc thực hiện quy định về nghiêm cấm lựa chọn giới tính thai nhi dưới mọi hình thức, các quy định của pháp luật để bảo đảm cân bằng giới tính theo quy luật sinh sản tự nhiên.

2.12. Báo và Phát thanh, Truyền hình tỉnh

Chủ trì, phối hợp với Sở Y tế tăng cường tuyên truyền, vận động trên các phương tiện thông tin đại chúng, xây dựng chuyên trang, chuyên mục, thường xuyên, liên tục tuyên truyền, phổ biến, nâng cao nhận thức, kiến thức về dân số và phát triển trong toàn xã hội.

2.13. Đề nghị Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh và các tổ chức chính trị - xã hội

- Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh chủ trì giám sát việc thực hiện chính sách dân số và phát triển, đưa nội dung dân số vào chương trình hành động của Mặt trận.

- Đoàn Thanh niên triển khai các hoạt động tuyên truyền, giáo dục kỹ năng sống, kiến thức sức khỏe sinh sản, bình đẳng giới cho thanh niên, học sinh, sinh viên.

- Hội Liên hiệp Phụ nữ tỉnh nhân rộng mô hình “Gia đình 5 không, 3 sạch” gắn với sinh đủ 2 con, mô hình “Giá trị của con gái”.

- Hội Người cao tuổi tỉnh phối hợp chăm sóc, tư vấn, hỗ trợ sức khỏe, phát huy vai trò người cao tuổi trong cộng đồng.

- Liên đoàn Lao động tỉnh tổ chức truyền thông dân số, sức khỏe sinh sản cho công nhân, viên chức, lao động tại khu công nghiệp, cơ sở sản xuất.

- Hội Nông dân, Hội Cựu chiến binh lồng ghép tuyên truyền dân số và phát triển trong phong trào thi đua, mô hình kinh tế nông thôn, góp phần giảm chênh lệch mức sinh giữa các vùng.

2.14. Ủy ban nhân dân các xã, phường

- Chịu trách nhiệm trước UBND tỉnh về kết quả thực hiện công tác dân số và phát triển của địa phương. Căn cứ Kế hoạch của tỉnh, chủ động xây dựng kế hoạch thực hiện, đưa các mục tiêu dân số và phát triển vào kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội của địa phương.

- Tham mưu HĐND cùng cấp ban hành Nghị quyết về dân số và phát triển; chỉ đạo, kiểm tra, giám sát việc thực hiện công tác dân số và phát triển trên địa bàn; khen thưởng và biểu dương kịp thời những tập thể và cá nhân thực hiện tốt; xử lý nghiêm những trường hợp vi phạm chính sách dân số; đôn đốc, theo dõi, giám sát, đánh giá, sơ kết, tổng kết, định kỳ báo cáo gửi Sở Y tế tổng hợp.

- Phối hợp với các Sở, ban, ngành, đoàn thể triển khai các hoạt động tại địa phương.

- Bố trí ngân sách địa phương và huy động nguồn xã hội hóa để thực hiện các hoạt động dân số; đưa kết quả công tác dân số vào tiêu chí đánh giá thi đua hàng năm.

- Kiện toàn Ban Chỉ đạo công tác Dân số - Phát triển, tổ chức triển khai đồng bộ các chương trình, mô hình, hoạt động truyền thông, dịch vụ dân số.

- Đảm bảo 100% xã, phường, thị trấn có cộng tác viên dân số hoạt động thường xuyên, hiệu quả.

Trên đây là Kế hoạch truyền thông Dân số giai đoạn 2026 - 2030 trên địa bàn tỉnh Bắc Ninh. Yêu cầu Giám đốc các Sở, ban, ngành, thủ trưởng các cơ quan thuộc UBND tỉnh, Chủ tịch UBND các xã, phường tổ chức thực hiện./.

Nơi nhận:

- Bộ Y tế (b/c);
- TTTU, TT HĐND tỉnh (b/c);
- Chủ tịch và các PCT UBND tỉnh;
- UBMTTQ tỉnh và các tổ chức CT-XH;
- Các Sở, ngành, đoàn thể tỉnh;
- Báo và PTTH tỉnh;
- UBND các xã, phường;
- VPUBND: VX, TTTT, LĐVP;
- Lưu: VT.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Lê Xuân Lợi

MỤC TIÊU/CHỈ TIÊU THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH TRUYỀN THÔNG DÂN SỐ ĐẾN NĂM 2030
(Ban hành kèm theo Kế hoạch số /KH-UBND ngày tháng 02 năm 2026 của UBND tỉnh Bắc Ninh)

STT	Nội dung mục tiêu/nhiệm vụ	Chỉ tiêu cụ thể đến năm 2030	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp
1	Các tổ chức Đảng, chính quyền, cơ quan, ban ngành, đoàn thể các cấp được phổ biến, cập nhật thông tin về chương trình Dân số và Phát triển	100%	Sở Y tế	Trường Chính trị Nguyễn Văn Cừ, các sở, ban, ngành, Báo và PTTH tỉnh, Ủy ban nhân dân cấp xã.
2	Các cặp vợ chồng, nam, nữ trong độ tuổi sinh đẻ được cung cấp thông tin về cuộc vận động, về quyền và trách nhiệm trong việc sinh con, nuôi dạy con tốt, cũng như lợi ích của việc thực hiện các biện pháp tránh thai hiện đại	95%	Sở Y tế	Hội Liên hiệp phụ nữ, Liên đoàn lao động, UBND cấp xã, Báo và PTTH tỉnh, Ủy ban nhân dân cấp xã.
3	Các cặp vợ chồng, nam, nữ trong độ tuổi sinh đẻ, ông bà, cha mẹ được cung cấp thông tin về hậu quả của mất cân bằng giới tính khi sinh, vị thành niên, thanh niên, nam, nữ sắp kết hôn được cung cấp kiến thức về các hành vi vi phạm pháp luật về lựa chọn giới tính thai nhi	95%	Sở Y tế	Thanh tra tỉnh, Công an tỉnh, Sở Tư pháp, Báo và PTTH tỉnh.
4	Nam, nữ thanh niên, phụ nữ trong độ tuổi sinh đẻ được cung cấp thông tin về lợi ích của việc tư vấn và khám sức khỏe trước khi kết hôn, cũng như lợi ích của việc tầm soát, chẩn đoán, điều trị sớm bệnh tật trước sinh và sơ sinh	95%	Sở Y tế	Sở Giáo dục và Đào tạo, Hội Liên hiệp phụ nữ, Đoàn Thanh niên Báo và PTTH tỉnh.

5	Cặp nam, nữ thanh niên được tư vấn, khám sức khỏe trước khi kết hôn	70%	Sở Y tế	Sở Giáo dục và Đào tạo, Đoàn Thanh niên, UBND cấp xã
6	Phụ nữ mang thai được sàng lọc trước sinh	70%	Sở Y tế	Các bệnh viện, Trung tâm y tế, Trạm y tế
7	Trẻ sơ sinh được tầm soát các bệnh bẩm sinh phổ biến	80%	Sở Y tế	Các bệnh viện, Trung tâm y tế, Trạm y tế
8	Cơ sở giáo dục trong hệ thống giáo dục tiếp tục đẩy mạnh việc lồng ghép các nội dung tuyên truyền về dân số, SKSS/KHHGĐ vào các môn học chính khóa và hoạt động ngoài giờ lên lớp.	100%	Sở Giáo dục và Đào tạo	Sở Y tế, Đoàn Thanh niên
9	VTN/TN được cung cấp, cập nhật kiến thức đầy đủ về dân số, SKSS/KHHGĐ, bao gồm các biện pháp tránh thai, tác hại của phá thai và hậu quả của mang thai ngoài ý muốn.	95%	Sở Y tế	Sở Giáo dục và Đào tạo, Đoàn Thanh niên Báo và PTTT tỉnh
10	Người cao tuổi hoặc người thân trực tiếp chăm sóc được cung cấp các kiến thức về các biện pháp chăm sóc sức khỏe phù hợp, chế độ dinh dưỡng, luyện tập khoa học, và lợi ích của việc khám sức khỏe định kỳ cho NCT	85%	Sở Y tế	Hội Người cao tuổi, UBND cấp xã, Báo và PT-TH tỉnh
11	NCT được khám sức khỏe định kỳ ít nhất 1 lần/năm	100%	Sở Y tế	Hội Người cao tuổi, UBND cấp xã
12	Duy trì và đảm bảo hoạt động của đội ngũ cộng tác viên/nhân viên y tế - dân số tại cơ sở	100% xã, phường, thị trấn có cộng tác viên	UBND cấp xã	Sở Y tế (hướng dẫn nghiệp vụ)

